ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1047 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 26 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Khu dân cư bản Quỳnh Lâu, xã Tam Tiến"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 599/TTr-TNMT ngày 26/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Khu dân cư bản Quỳnh Lâu, xã Tam Tiến " (sau đây gọi là dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Thế (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tam Tiến, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định[1]: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định

[1] Thành lập theo Quyết định số 883/QĐ-TNMT ngày 08/9/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND huyện Yên Thế, UBND xã Tam Tiến; Công ty Điện lực Bắc Giang, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Thế và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Thế *(trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công)*;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  + LĐVP (CVP), TH, KTN, TKCT;
  + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
  + Lưu: VT, KTN.Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHU DÂN CƯ BẢN QUỲNH LÂU, XÃ TAM TIẾN

(Kèm theo Quyết định số 1047 */QĐ-UBND ngày* 26 */9 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

---

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư bản Quỳnh Lâu, xã Tam Tiến.

- Địa điểm thực hiện: Xã Tam Tiến, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Thế.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án được xây dựng trên khu đất có diện tích khoảng 3,84 ha, tại xã Tam Tiến, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô của dự án:

Quy mô đầu tư xây dựng: Khu dân cư bản Quỳnh Lâu, xã Tam Tiến được xây dựng trên diện tích sử dụng đất khoảng 3,84 ha theo Quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND huyện Yên Thế về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư bản Quỳnh Lâu, xã Tam Tiến (tỷ lệ 1/500), các hạng mục công trình gồm: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải, hệ thống cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, khuôn viên cây xanh, bãi đỗ xe và các hạng mục phụ trợ khác…

Quy mô dân số: khoảng 416 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải, hệ thống cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, khuôn viên cây xanh, bãi đỗ xe và các hạng mục phụ trợ khác…

- Hoạt động của dự án đầu tư.

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì dự án "Khu dân cư bản Quỳnh Lâu xã Tam Tiến" có tổng diện tích cần thu hồi, chuyển mục đích đất khoảng 5,0 ha và diện tích đất đất lúa khoảng 2,94 ha.

Trong quá trình khảo sát, đánh giá hiện trạng khu vực thực hiện dự án để lập báo cáo nghiên cứu khả thi, chủ đầu tư xác định được: Dự án có tổng diện

tích đất cần thu hồi khoảng 3,84 ha, trong đó diện tích đất lúa khoảng 2,3731 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm dụng khoảng 2,3731 ha đất trồng lúa.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: Phát quang thực vật, phá dỡ các công trình hiện trạng (đường điện, nhà ở),...

- Hoạt động san nền, thi công, xây dựng các hạng mục công trình; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; từ quá trình vận chuyển đất san nền, nguyên vật liệu xây dựng; từ quá trình vận chuyển phế thải, tháo dỡ công trình hiện trạng; từ quá trình hoạt động của máy móc thiết bị thi công; từ hoạt động tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng; từ công đoạn hàn; từ vệ sinh công trình sau khi thi công.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; từ hoạt động phát quang thảm thực vật, phá dỡ các công trình hiện trạng và chất thải rắn xây dựng thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

- Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ, chập điện, thiên tai, sự cố về kênh mương tưới tiêu,...

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành

- Phát sinh bụi, khí thải của từ quá trình đun nấu, máy điều hòa nhiệt độ; từ phương tiện giao thông; từ khu tập kết rác thải; từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, từ các hộ dân phía Nam dự án.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo các chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ sinh hoạt của dân cư trong khu vực dự án, từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các công trình thứ cấp; bùn thải từ bể tự hoại, trạm xử lý nước thải;

- Chất thải nguy hại gồm gang tay, giẻ lau nhiễm thành phần chất thải nguy hại, pin hỏng, linh kiện điện tử hỏng,...

- Sự cố tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố sụt lún, sự cố bão lũ, ngập úng, sét, sự cố trạm xử lý nước thải tập trung…

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng dự án

3.1.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 6,4 m^3/ngày.đêm với thông số ô nhiễm đặc trưng chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD_5) và các vi khuẩn Coli...

- Nước thải thi công: phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị, rửa xe... khoảng 3-4,5 m^3/ngày với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ khoáng ...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án cuốn đất, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), COD…

* Bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng dự án; từ quá trình tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất san lấp, nguyên vật liệu xây dựng; từ hoạt động máy móc thiết bị thi công với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, SO_2, NO_x, CO,...

- Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là khói hàn, CO, NO_x,..

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 50 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng:

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật với khối lượng khoảng 6,06 tấn. Thành phần chủ yếu là sinh khối của cây hàng năm như lúa, hoa màu...

+ Chất thải phát sinh từ quá trình phá dỡ, di dời các công trình hiện trạng trên đất (nhà cấp IV) tổng khối lượng phá dỡ khoảng 10,2 tấn. Thành phần chủ yếu là bê tông, gạch vỡ, đá, xi măng,…

+ Chất thải từ quá trình tháo dỡ, di rời đường điện với khối lượng dây điện các loại 2.300kg; sắt, thép, đầu sà sứ 550kg; cột điện tròn bê tông cốt thép 6 chiếc.

+ Đào nạo vét hữu cơ phát sinh khoảng 4.614,96 m^3.

+ Đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển khoảng 0,35m^3/ngày.

+ Chất thải rắn xây dựng gồm các chất thải của vật liệu thừa, gạch đá xây dựng, nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao bì,… khoảng 0,3 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại gồm giẻ lau dính dầu, thùng đựng sơn, dựng dầu, dầu mỡ thải… phát sinh khoảng 235 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công xây dựng; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn, QCVN

27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động lên kinh tế xã hội khu vực: tác động đến các hộ dân mất đất do thu hồi giải phóng mặt bằng; tác động đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học; tác động đến giao thông khu vực; tác động đến mương thoát nước; tác động do chiếm dụng đường nội đồng,...

- Tác động do sự cố như: Sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố thiên tai; sự cố ngập úng, bồi lắng, trượt, sụt lở, xói mòn; các rủi ro về thiên tai, sự cố liên quan tới kênh mương tưới tiêu, thoát nước; sự cố về an toàn thực phẩm; sự cố hư hỏng tuyến đường vận chuyển, chậm hoàn trả cống dẫn nước…

3.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, nước thải sinh hoạt của hộ dân hiện trạng tổng lượng nước phát sinh 75 m^3/ngày đêm với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD_5) và các vi khuẩn Coli…

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo các đất, cát, chất lơ lửng vào nguồn tiếp nhận.

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, từ hoạt động đun nấu. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO_2, SO_2…

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ. Mùi hôi từ khu tập kết rác thải tập trung, khu vực xử lý nước thải tập trung.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ dân phát sinh tại dự án khoảng 332,8 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình kỹ thuật: Nạo vét bùn cặn tại cống, rãnh thoát nước mưa, hố ga thoát nước thải 6,6m^3/lần; Khối lượng cành cây chặt bỏ 10m^3/năm; Chất thải từ sửa đường giao thông nội bộ 175,7m^3/lần.

- Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh khoảng 80 m^3/năm. Bùn thải trạm xử lý nước thải phát sinh khoảng 1,665-2,775 kg/ngày.

* Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án bao gồm: Dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải... phát sinh khoảng 48,52 kg/tháng.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông đi lại trong dự án là rất thấp, hầu như không đáng kể.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế xã hội khu vực; tác động đến an ninh trật tự…

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố bão lụt; sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố vỡ hỏng cống lấy nước, vỡ đập hồ Bản Cảng, tường chắn và mái taluy bị sụt lún...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Trang bị 02 nhà vệ sinh di động có dung tích bể chứa chất thải khoảng 7 m^3-10 m^3. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa đem đi xử lý khi bể chứa đầy (khoảng 3-5 ngày/lần), không xả chất thải ra ngoài môi trường.

- Nước mưa chảy tràn:

Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công theo độ dốc tự nhiên để thu gom nước mưa tránh chảy tràn lan ra bên ngoài. Bố trí các hố lắng trong khu vực thi công kết hợp hệ thống rãnh đất theo hướng dốc của mặt bằng và bố trí tại mỗi khu vực khác nhau nhằm tăng khả năng tiêu thoát khi thời tiết mưa kéo dài.

Việc sử dụng rãnh đất kết hợp hố lắng sẽ được điều chỉnh phù hợp vào thời điểm thi công sao cho tiêu thoát triệt để nước mưa, hạn chế ngập úng cục bộ.

Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước thải với tần suất 3 tháng/lần.

- Nước thải thi công:

Tại khu vực rửa xe tại khu vực gần đường ra vào khu đất dự án, bố trí hệ thống tách dầu gồm hố phân ly dầu cấp 1 và cấp 2, tổng thể tích 1,5m^3. Nước ra từ các bể phân ly cấp 1 được đưa sang bể phân ly cấp 2 phân tách hết các lớp dầu còn lại sau đó chảy vào hệ thống thoát nước của dự án. Mỗi hố phân ly dầu gồm 02 ngăn: nước thải được dẫn vào một ngăn và dẫn ra ở đáy ngăn còn lại. Ở ngăn thứ hai, phía trên có bố trí ống thu dầu nổi lên bề mặt. Lượng váng dầu ở sẽ được thu gom, quản lý xử lý cùng chất thải nguy hại phát sinh, phần nước sạch có thể sử dụng cho mục đích tưới dập bụi trong khu vực thực hiện dự án

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Khu vực san nền được che chắn nhằm giảm phát tán bụi, khí thải trong quá trình thi công. Chủ dự án sẽ tiến hành che chắn xung quanh khu vực san nền bằng hàng rào tôn cao 2m, bao quanh khu vực xây dựng dự án.

- Trang bị xe tưới nước có dung tích bồn chứa 5m^3/xe. Thực hiện tưới nước ở những khu vực thi công, trên tuyến đường vận chuyển đất san lấp, nguyên vật liệu khu vực thi công dự án để giảm thiểu bụi phát tán. Công tác tưới nước được thực hiện thường xuyên trong ngày nhằm giảm lượng bụi phát tán trong không khí, thời gian tưới và mật độ tưới tuỳ thuộc vào thời tiết, vào những ngày khô

hanh số lần tưới khoảng 2 - 4 lần/ngày.

+ Bố trí cầu rửa xe tại vị trí cổng công trường xây dựng, thực hiện phun nước rửa sạch bánh, thân xe, bao che trước khi ra khỏi công trường.

+ Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: Khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động... và yêu cầu sử dụng trong khi làm việc.

- Các biện pháp giảm thiểu khí thải và bụi trên đường vận chuyển:

+ Không sử dụng các phương tiện chuyên chở đất quá cũ và không chở nguyên vật liệu quá đầy, quá tải và phải có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển.

+ Có chế độ tiều tiết xe vận tải, khống chế khoảng cách tối thiểu giữa các xe vận chuyển nguyên vật liệu tối thiểu là 200m để hạn chế bụi.

+ Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc thiết bị, luôn để các máy móc thiết bị hoạt động trong trạng thái tốt nhất để hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng có hại.

+ Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm, có mật độ người qua lại cao. Đặc biệt là giờ đi làm 7h-8h và giờ ra về 16h30-17h.

- Giảm thiểu bụi, khí phát sinh từ công đoạn hàn

+ Bố trí khu vực riêng biệt thực hiện quá trình hàn, đảm bảo khuất gió hạn chế phát tán khói hàn ra xung quanh. Công nhân làm việc trực tiếp được trang bị kính mắt, mặt nạ hàn, khẩu trang hoạt tính, bảo hộ lao động,..

+ Xung quanh khu vực dự án được lắp dựng tường tôn cao 2m để hạn chế các tác nhân ô nhiễm phát tán ra bên ngoài và đảm bảo an ninh trật tự và an toàn trong suốt quá trình thi công.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 04 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 120 lít tại khu vực lán trại tạm và hợp đồng với tổ vệ sinh tại địa phương vận chuyển mang đi xử lý theo quy định tần suất 3 lần/tuần.

- Chất thải phát quang:

+ Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau.

+ Đối với khối lượng thực bì dọn dẹp người dân không sử dụng được vào các mục đích nào cần thải bỏ được vận chuyển đi đổ thải tại bãi thải thuộc thôn Am, xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế.

- Đối với đất bóc hữu cơ và chất thải từ quá trình phỡ dỡ công trình hiện hữu:

+ Đất bóc hữu cơ của toàn bộ dự án từ khu vực đường giao thông nội bộ, khu vực nền đất yếu, lượng đất bóc này sẽ được lưu chứa tạm thời tại khu vực dự kiến quy hoạch cây xanh để bổ sung vào các hố trồng cây xanh trên tuyến đường nội bộ và các khu vực cây xanh trong dự án đảm bảo vừa hết khối lượng không phải

mang đi đổ thải.

+ Chất thải từ phá dỡ công trình hiện hữu cần phá dỡ, được vận chuyển đi đổ thải tại bãi đổ thải thuộc thôn Am, xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế; phần sắt, thép, mái tôn bán được phân loại bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

- Chất thải từ phá dỡ đường điện, cột điện bê tông sẽ được thu hồi toàn bộ và bàn giao cho cơ quan quản lý đường điện địa phương.

- Đối với chất thải là đất đá rơi vãi: Xe tải vận chuyển đất đá, nguyên vật liệu xây dựng không vượt quá trọng tải xe; có bạt che phủ không để đất đá thải rơi vãi; bố trí công nhân đi thu dọn nếu để xảy ra việc đất đá rơi vãi trên đường vận chuyển.

- Chất thải rắn xây dựng

+ Sử dụng nguyên liệu hợp lý, tiết kiệm khoa học nhằm tránh phát sinh nhiều chất thải.

+ Đối với các loại chất thải như đầu mẩu sắt thép, giấy vụn, bìa carton,... được thu gom vào thùng chứa và bán cho các đơn vị thua mua phế liệu.

+ Đối với các loại chất thải xây dựng như: Đất, bê tông khô… tận dụng làm nguyên liệu san lấp, phần còn lại các loại chất thải không tận dụng sẽ được vận chuyển đi đổ thải tại bãi đổ thải chất thải xây dựng thuộc thôn Am, xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế với tần suất 07 ngày/lần.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 6 thùng phi có dung tích 200 lít để thu gom, lưu trữ. Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại sẽ dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại. Các thùng chứa chất thải nguy hại sẽ được lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 15m^2 tại phía Đông Nam của dự án, kết cấu tôn ghép, cửa lưới thép, có biển cảnh báo. Hợp đồng đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật tần suất 1 năm/lần.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng các thiết bị máy móc cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu bảo dưỡng máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, kiểm tra sự cân bằng của các máy móc thiết bị. Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ.

- Giám sát ô nhiễm tiếng ồn trong thi công, công tác giám sát được thực hiện tại các khu vực, thời điểm nhạy cảm.

- Trang bị cho công nhân các phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khoẻ cho công nhân.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Bố trí phương tiện thi công ra vào khu vực thi công hợp lý, có cán bộ hướng dẫn, chỉ huy, giám sát hoạt động của các phương tiện thi công.

- Trang bị các dụng cụ, bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét các mương thoát nước tạm xung quanh khu vực dự án để hạn chế tắc nghẽn hệ thống thoát nước.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.

+ Hệ thống thu gom nước thải của các hộ dân liền kề phía Nam dự án (15 hộ): Bố trí xây rãnh B400 bằng gạch bê tông không nung ở phía Nam của dự án, độ dốc 0,25%, rãnh có chiều dài 70m. Nước thải từ các hộ dân hiện trạng chảy qua ống PVC D110 vào rãnh B400 sau đó chảy qua hệ thống thu nước thải của dự án và được đưa vào trạm xử lý nước thải sinh hoạt của dự án.

+ Hệ thống thu gom nước thải của dân cư trong phạm vi dự án: Cống thoát nước thải sử dụng cống tròn HDPE 2 vách ly tâm D300, mạng lưới được thiết kế là các tuyến thoát nước tự chảy độ dốc lấy bằng dốc đường thiết kế, mạng lưới được thiết kế là các tuyến thoát nước tự chảy độ dốc lấy bằng dốc đường thiết kế, độ dốc tối thiểu với cống i =1/D, đối với đáy rãnh i ≥ 0,25%, nước thải được đưa đến trạm xử lý 80m^3/ngày.đêm của dự án.

Toàn bộ nước thải sẽ được đưa vào trạm xử lý nước thải tập trung công suất 80 m^3/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thải ra hệ thống mương thoát nước khu vực.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác, rồi tập chung chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa. Các giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau khoảng 30m. Hệ thống cống thoát nước mưa là cống bê tông cốt thép dọc theo các tuyến đường giao thông.

+ Định kỳ kiểm tra, nạo vét mương thoát nước mưa đảm bảo không bị tắc nghẽn, ứ đọng tần suất 06 tháng/lần. Tuyên truyền người dân không vứt rác bừa bãi, không đổ nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí các làn đường dẫn vào bãi đỗ xe phải hợp lý; phương tiện ra vào phải theo đúng quy định hướng dẫn của người quản lý.

- Định kỳ phun nước rửa bãi đỗ xe để làm sạch đất cát trên mặt sàn, nhằm tạo độ ẩm, hạn chế phát tán bụi trong khu vực.

- Trồng cây xanh trên khu vực dự án nhằm hỗ trợ việc hạn chế ô nhiễm không khí, tạo cảnh quan môi trường khí hậu trong sạch hơn.

- Khuyến khích các hộ dân sử dụng lắp đặt các loại điều hòa theo công nghệ mới, tiết kiệm điện năng thân thiện môi trường để hạn chế phát thải CFC. Thực hiện biện pháp thông thoáng tại khu vực nấu ăn bằng cách bố trí các quạt hút mùi, quạt thông gió.

- Thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải rắn phát sinh hàng để giảm thiểu

khả năng ô nhiễm từ quá trình phân huỷ hữu cơ làm phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường. Toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày tại mỗi hộ gia đình sẽ được đơn vị chức năng vận chuyển ngay đi trong ngày không để tồn đọng, ứ đọng rác.

- Định kỳ nạo vét, thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải từ các cống rãnh, các khu vực công cộng, để giảm thiểu khả năng ô nhiễm từ quá trình phân huỷ hữu cơ làm phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường (tần suất 6 tháng/lần).

- Khoanh vùng, quây kín khu vực sửa chữa, xây dựng bằng hàng rào tôn nếu sửa chưa thời gian dài ngày. Chất thải từ việc nạo vét cống rãnh phải thực hiện vận chuyển bằng các xe có thùng kín không để rò, rỉ rơi vãi bùn ra đường giao thông. Thực hiện các biện pháp như rải nước làm ẩm giảm bụi, làm sạch bụi bẩn trên đường giao thông thường xuyên để giảm bụi.

- Trạm xử lý nước thải, cần phải đảm bảo các bể hoạt động liên tục ổn định, tránh để vi sinh vật hữu hiệu bị chết sẽ gây mùi hôi, lắp đặt hệ thống thu mùi và xử lý mùi.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Đơn vị tiếp nhận, quản lý, vận hành dự án có trách nhiệm bố trí 50 thùng chứa rác, dung tích 120 l/thùng tại khu vực công cộng, đường giao thông, khuôn viên cây xanh để các hộ dân vứt rác đúng nơi quy định. Toàn bộ chất thải sinh hoạt được đơn vị chức năng địa phương đưa về ga rác của dự án được tại khu vực kỹ thuật phía Tây Bắc dự án, diện tích 222,6m^2 và vận chuyển đi ngay trong trong ngày.

- Chất thải rắn phát sinh do quá trình duy tu bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật của dự án:

+ Các loại chất thải rắn phát sinh như bùn đất, cây cối, vật liệu xây dựng hỏng, gạch đá phá dỡ, sửa chữa công trình được đơn vị quản lý vận hành thuê các đơn vị có đủ chức năng đến thu gom và vẫn chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Đơn vị tiếp quản, vận hành dự án sẽ thuê các đơn vị có chức năng để tiến hành duy tu, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật vừa đảm bảo quá trình duy tu bảo dưỡng vừa đảm bảo công tác bảo vệ môi trường.

- Bùn từ trạm xử lý nước thải tập trung: Bùn dư được lưu chứa tại bể chứa bùn của hệ thống, đơn vị quản lý, vận hành dự án sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng hút vận chuyển mang đi xử lý (tần suất dự kiến 03 tháng/lần).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trạm biến áp tại khu vực dự án vào thời kỳ thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng thay dầu có phát sinh lượng dầu thải lớn. Đơn vị quản lý vận hành (thuộc Công ty điện lực Bắc Giang) sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút, vận

chuyển đi xử lý ngay thời điểm thay dầu cho máy biến áp, lượng dầu này không lưu giữ tại khu dân cư.

- Dự án có bố trí xây dựng kho chứa chất thải nguy hại tại khu vực nhà điều hành của trạm xử lý nước thải tập trung, kho có diện tích 10m^2, tường bao, mái che, cửa khóa, trong kho có bố trí 06 thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa, có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng các thùng có dán mã, loại chất thải nguy hại tương ứng. Chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình được thu gom về các thùng chứa đặt trong kho chứa chất thải nguy hại của dự án. Đơn vị quản lý, vận hành dự án sẽ có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển mang đi xử lý (Tần suất 06 tháng/lần)

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Khu vực dự án được bố trí trồng cây xanh tại khu đất cây xanh theo đúng quy hoạch và dọc 2 bên đường giao thông. Cây xanh được trồng có tác dụng hấp thu tiếng ồn, chặn sự phát tán ra xa khu vực dự án.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện phân chia làn đường, kẻ vạch đường chỉ dẫn, lắp biển báo giao thông, bật đèn đường chiếu sáng vào ban đêm.

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo quy hoạch được phê duyệt.

- Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét tại các khu vực có khả năng bị sét đánh.

- Thiết lập mạng tiếp đất an toàn, mạng tiếp đất của hệ thống thu sét gồm các dây chôn chìm trong đất được liền kết hàn với các cọc tiếp đất đóng sâu vào lòng đất, đảm bảo điện trở an toàn theo quy phạm.

- Đường ống dẫn nước thải được thường xuyên kiểm tra, theo dõi. Khi phát hiện đường ống bị hỏng, vỡ phải tiến hành lắp đặt, thay thế ống mới kịp thời.

- Bảo dưỡng, nạo vét định kỳ trạm xử lý nước thải, bổ sung hóa chất kịp thời để đảm bảo hiệu quả xử lý của các bể.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

** Không khí xung quanh:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm đầu hướng gió chủ đạo ngoài khu vực dự án; 01 vị trí tại điểm cuối hướng gió chủ đạo ngoài khu vực dự án;

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng tổng số (TSP), SO_2, NO_2, CO.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT;

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn

hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

b. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

** Nước thải sinh hoạt:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại bể gom nước thải của trạm xử lý nước thải; 01 vị trí tại điểm thoát nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải trước khi đổ ra môi trường tiếp nhận.

- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, BOD_5, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H_2S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo NO_3^-), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Photsphat (tính theo P), tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát:

+ Nước thải đầu vào tại bể gom nước thải: lấy mẫu 01 ngày/lần, số lượng mẫu 01 mẫu;

+ Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải: lấy mẫu 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp, số lượng mẫu: 03 mẫu.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác đối với chủ dự án

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường;

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật hiện hành khác trong quá trình thực hiện dự án;

- Thực hiện đúng quy định pháp luật về đất đai và các quy định pháp luật liên quan trước khi triển khai dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 599/TTr-TNMT ngày 26/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./.